

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Mô hình liên kết đầu tư nuôi cá lồng bè kết hợp phát triển du lịch sinh thái hồ Đồng Mít tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1764/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Mô hình liên kết đầu tư nuôi cá lồng bè kết hợp phát triển du lịch sinh thái hồ Đồng Mít tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030” (sau đây viết tắt là Đề án).

Nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm, góp phần thực hiện mục tiêu Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các nội dung của Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Hình thành mô hình thí điểm liên kết đầu tư nuôi cá lồng bè kết hợp phát triển du lịch sinh thái tại hồ Đồng Mít theo hướng bền vững, hiệu quả, an toàn công trình hồ chứa. Làm cơ sở đánh giá, hoàn thiện và xem xét nhân rộng mô hình tại các hồ chứa có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Triển khai đúng mục tiêu, nội dung thực hiện Đề án, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và định hướng phát triển ngành thủy sản, du lịch.

b) Phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian thực hiện. Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, du lịch, đầu tư và các quy định liên quan.

c) Gắn phát triển nuôi cá lồng bè với bảo vệ môi trường sinh thái hồ, sử dụng hợp lý tài nguyên mặt nước, kiểm soát mật độ nuôi, phòng ngừa dịch bệnh, bảo đảm phát triển bền vững.

d) Kết hợp phát triển nuôi trồng thủy sản với du lịch sinh thái, trải nghiệm, xây dựng sản phẩm đặc trưng, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án “Mô hình liên kết đầu tư nuôi cá lồng bè kết hợp phát triển du lịch sinh thái hồ Đồng Mít tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030”; hình thành mô hình thí điểm nuôi cá lồng bè gắn phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững, hiệu quả, bảo đảm an toàn công trình hồ chứa; làm cơ sở thực tiễn để xem xét nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng thành công mô hình nuôi cá lồng bè kết hợp du lịch sinh thái trên diện tích mặt nước 30.000 m². Về nuôi cá đạt quy mô 30 lồng HDPE/90 tấn/năm; số lượng khách tham quan 3.000 lượt/ năm.

- Nâng cao năng lực cho người dân, hợp tác xã trong nuôi trồng thủy sản và hoạt động du lịch sinh thái;

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp – hợp tác xã – người dân – cơ quan quản lý nhà nước;

- Ứng dụng chuyển đổi số trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm thủy sản và du lịch sinh thái hồ Đồng Mít.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

1. Giai đoạn 1: Chuẩn bị và hoàn thiện điều kiện triển khai (Năm 2026)

a) Nội dung

- Hoàn thiện việc khoanh định diện tích 30.000 m² mặt nước tại hồ Đồng Mít để triển khai mô hình; phân chia cụ thể thành 03 phân khu chức năng, gồm: Vùng 1 (nuôi cá lồng bè), Vùng 2 (tham quan, trải nghiệm), Vùng 3 (dịch vụ hỗ trợ).

- Tổ chức lựa chọn doanh nghiệp tham gia thực hiện mô hình.

- Thiết lập, ký kết hợp đồng liên kết “4 nhà” giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Hợp tác xã/người dân - Đơn vị du lịch.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật nuôi cá lồng bè và nghiệp vụ du lịch sinh thái cho thành viên HTX và người dân địa phương.

- Xây dựng và ban hành quy trình kỹ thuật nuôi cá lồng bè; quy trình quản lý môi trường nước; phương án bảo đảm an toàn công trình hồ chứa.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, thủ tục liên quan đến việc sử dụng mặt nước, bảo vệ môi trường, an toàn công trình hồ chứa và các điều kiện cần thiết để triển khai mô hình.

Vùng nước lựa chọn cho đề án được giới hạn bởi 4 điểm có tọa độ : DM1, DM2, DM3, DM4 thể hiện tại bảng 1, có diện tích là 30.000 m².

Bảng 1. Tọa độ các điểm khu vực Đề án				
Tên	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	X (VN2000)	Y (VN2000)
DM 1	14.661624	108.831878	562478.96	1621581.33
DM 2	14.660446	108.832938	562593.47	1621451.29
DM 3	14.659378	108.831735	562464.20	1621332.80
DM 4	14.660442	108.830695	562351.88	1621450.23

Theo đó, không gian mặt nước hồ Đồng Mít được định hướng khoanh định thành các khu chức năng chủ yếu như sau:

(1) Khu vực nuôi cá lồng bè (Vùng 1)

Vùng 1 được giới hạn bởi 4 điểm có tọa độ : V1.1, V1.2, V1.3, V1.4 thể hiện tại bảng 2, có diện tích là 4.753 m²

Bảng 2. Tọa độ các điểm khu vực nuôi cá lồng bè Hồ Đồng Mít- Vùng 1				
Tên	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	X (VN2000)	Y (VN2000)
V1.1	14.661403	108.831804	562471.05	1621556.86
V1.2	14.660377	108.832745	562572.70	1621443.61
V1.3	14.660201	108.832526	562549.17	1621424.07
V1.4	14.660442	108.830695	562351.88	1621450.23

(2) Khu vực trải nghiệm du lịch sinh thái (Vùng 2)

Vùng 2 được giới hạn bởi 4 điểm có tọa độ : V2.1, V2.2, V2.3, V2.4 thể hiện tại bảng 3, có diện tích là 2.422 m²..

Bảng 3. Tọa độ các điểm khu vực trải nghiệm Hồ Đồng Mít- Vùng 2				
Tên	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	X (VN2000)	Y (VN2000)
V2.1	14.660787	108.831223	562408.65	1621488.55
V2.2	14.660535	108.831467	562435.00	1621460.73
V2.3	14.660127	108.831072	562392.57	1621415.48
V2.4	14.660389	108.830819	562365.25	1621444.40

(3) Khu vực dịch vụ

Vùng 3 được giới hạn bởi 4 điểm có tọa độ : V3.1, V3.2, V3.3, V3.4 thể hiện tại bảng 4, có diện tích là 1.067 m². bố trí không gian theo hình 6.

Bảng 4. Tọa độ các điểm khu vực dịch vụ - Vùng 3

STT	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	X (VN2000)	Y (VN2000)
V3.1	14.660072	108.831371	562424.79	1621409.48
V3.2	14.659712	108.831709	562461.30	1621369.74
V3.3	14.659593	108.831575	562446.90	1621356.54
V3.4	14.659956	108.831231	562409.75	1621396.61

- Lựa chọn doanh nghiệp tham gia đầu tư nuôi cá lồng bè và phát triển du lịch sinh thái được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp quy định của pháp luật và định hướng xã hội hóa đầu tư.

- Tổ chức hội thảo kết nối doanh nghiệp đầu tư nuôi trồng thủy sản và doanh nghiệp lữ hành, ký kết hợp đồng liên kết “4 nhà” giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Hợp tác xã/người dân - Đơn vị du lịch với thời hạn cam kết tối thiểu05 năm; Xúc tiến tiêu thụ sản phẩm cá hồ Đồng Mít và xây dựng chuỗi liên kết.

- Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu mô hình, sản phẩm và du lịch; Thực hiện các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh mô hình.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật nuôi cá lồng bè (vật liệu HDPE, an toàn sinh học) quản lý môi trường nước, phòng trị bệnh thủy sản, số hóa quy trình quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nội dung tập huấn tập trung vào thực hành, phù hợp điều kiện cụ thể của hồ Đồng Mít.

- Đào tạo kỹ năng đón tiếp khách, tổ chức các đoàn du lịch trải nghiệm nuôi cá; Hướng dẫn chế biến, giới thiệu sản phẩm gắn với ẩm thực địa phương; Nâng cao nhận thức về du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng bền vững.

- Ban hành quy trình kỹ thuật nuôi cá lồng bè áp dụng theo hướng an toàn sinh học; Quy trình quản lý môi trường nước, quan trắc định kỳ các chỉ tiêu môi trường như pH, DO, độ trong, NH₃, H₂S...; kịp thời có biện pháp điều chỉnh khi các thông số vượt ngưỡng cho phép. Đồng thời áp dụng nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án bảo đảm an toàn công trình hồ chứa: Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với mưa lũ, xả lũ; Tổ chức neo đậu lồng bè an toàn, có phương án di dời hoặc gia cố lồng nuôi khi có mưa bão lớn;

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa trong công tác thông tin, cảnh báo và điều hành hoạt động trên lòng hồ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và điều chỉnh phương án triển khai phù hợp thực tế.

2. Giai đoạn 2: Triển khai thí điểm mô hình (Năm 2026-2027)

a) Nội dung

- Đầu tư 30 lồng nuôi HDPE, thả nuôi 1–2 vụ cá thương phẩm;
- Tổ chức quan trắc môi trường nước định kỳ;
- Vận hành thử nghiệm các đoàn du lịch sinh thái – trải nghiệm nuôi cá;

- Tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả giữa kỳ, điều chỉnh quy mô và phương thức tổ chức.

b) Nhiệm vụ

- Khảo sát, lựa chọn vị trí, lắp đặt 30 lồng nuôi HDPE (thể tích 100 m³/lồng) tại Vùng 1; Tổ chức thả nuôi thí điểm các đối tượng cá có giá trị kinh tế như cá diêu hồng, rô phi đơn tính, cá lăng nha và các đối tượng phù hợp khác.

- Xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái gồm: nhà bè trải nghiệm (360 m²), khu vực dịch vụ - ẩm thực (1.000 m²), bến thuyền, bãi đỗ xe và hệ thống điện, chiếu sáng phụ trợ.

- Triển khai các hoạt động du lịch trải nghiệm như tham quan lồng nuôi, cho cá ăn, câu cá giải trí, chèo thuyền Kayak, thưởng thức ẩm thực tại chỗ và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện nuôi cá lồng bè; quản lý môi trường nước; phương án bảo đảm an toàn công trình hồ chứa theo các quy trình kỹ thuật đã ban hành

- Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong quảng bá sản phẩm, xúc tiến du lịch, truy xuất nguồn gốc và quản lý mô hình.

- Tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả giữa kỳ để kịp thời rút kinh nghiệm và điều chỉnh quy mô, phương thức tổ chức.

3. Giai đoạn 3: Hoàn thiện và nhân rộng (Năm 2028)

a) Nội dung

- Hoàn thiện mô hình tổ chức, liên kết và vận hành;
- Chuẩn hóa sản phẩm thủy sản và sản phẩm du lịch sinh thái;
- Đánh giá tổng thể hiệu quả kinh tế – xã hội – môi trường;
- Đề xuất UBND tỉnh xem xét nhân rộng mô hình tại các hồ chứa khác.

b) Nhiệm vụ

- Tổng hợp bài học kinh nghiệm về quản lý môi trường, tổ chức sản xuất, khai thác du lịch và liên kết chuỗi giá trị.

- Xây dựng thương hiệu cá hồ Đồng Mít gắn với các tiêu chuẩn chất lượng (an toàn thực phẩm, VietGap, sản phẩm OCOP,..) và nhận diện du lịch địa phương.

- Đánh giá toàn diện các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, lao động, môi trường và hiệu quả xã hội của mô hình.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm và tham mưu UBND tỉnh kế hoạch nhân rộng mô hình tại các hồ chứa khác có điều kiện tương tự trên địa bàn tỉnh.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tiến độ tổng thể

Giai đoạn	Thời gian	Nội dung trọng tâm
GĐ 1	Quý II–IV/2026	Chuẩn bị pháp lý, lựa chọn nhà đầu tư, tập huấn
GĐ 2	Quý IV/2026 – hết 2027	Triển khai mô hình, vận hành thử nghiệm
GĐ 3	Năm 2028	Hoàn thiện, đánh giá, đề xuất nhân rộng

2. Tiến độ chi tiết theo công việc

STT	Nội dung công việc	Chủ trì	Phối hợp	Bắt đầu	Kết thúc	Sản phẩm
1	Khoanh định mặt nước, phân khu	Sở NN&MT	UBND xã, đơn vị quản lý hồ	Q2/2026	Q3/2026	Bản đồ, quyết định
2	Hoàn thiện thủ tục pháp lý	Sở NN&MT	UBND xã, đơn vị quản lý hồ	Q2/2026	Q4/2026	Hồ sơ phê duyệt
3	Lựa chọn doanh nghiệp	Sở NN&MT	Sở Tài chính	Q3/2026	Q4/2026	Quyết định lựa chọn
4	Ký liên kết “4 nhà”	Sở NN&MT	DN, HTX	Q4/2026	Q4/2026	Hợp đồng liên kết
5	Tập huấn kỹ thuật và du lịch	Sở NN&MT	Sở VH TTDL	Q3/2026	Q1/2027	3–5 lớp
6	Xây dựng quy trình kỹ thuật	Sở NN&MT	Trung tâm Khuyến nông	Q3/2026	Q4/2026	Bộ quy trình
7	Đầu tư lồng HDPE	Doanh nghiệp	HTX	Q4/2026	Q1/2027	30 lồng
8	Thả nuôi vụ 1	Doanh nghiệp	Sở NN&MT	Q1/2027	Q3/2027	Sản lượng
9	Xây dựng hạ tầng du lịch	Doanh nghiệp	UBND xã	Q4/2026	Q2/2027	Nhà bè, bến
10	Vận hành du lịch thử nghiệm	DN du lịch	Sở VH TTDL	Q2/2027	Q4/2027	Tour vận hành
11	Sơ kết giữa kỳ	Sở NN&MT	Các đơn vị	Q4/2027	Q4/2027	Báo cáo
12	Hoàn thiện mô hình	Sở NN&MT	DN	2028	2028	Mô hình chuẩn
13	Tổng kết – nhân rộng	UBND tỉnh	Các sở	Q4/2028	Q4/2028	Báo cáo đề xuất

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng mức kinh phí: Tổng kinh phí 11.870 triệu đồng. Trong đó, các

hạng mục chi phí chính, bao gồm:

- Đầu tư mô hình nuôi cá lồng bè: 6.420 triệu đồng (chiếm 54,09%).
- Đầu tư phục vụ du lịch sinh thái - trải nghiệm: 4.650 triệu đồng (chiếm 39,17%).
- Tập huấn, đào tạo, xúc tiến, truyền thông: 500 triệu đồng (chiếm 4,21%).
- Quản lý, giám sát, quan trắc môi trường: 300 triệu đồng (chiếm 2,53%).

2. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn được thực hiện theo nguyên tắc xã hội hóa, trong đó:

- Nguồn vốn Ngân sách nhà nước (NSNN): 1.800 triệu đồng (chiếm 15,16%). Tập trung vào các nội dung nền tảng như đào tạo kỹ thuật, nghiệp vụ du lịch, xúc tiến thương mại, quan trắc môi trường định kỳ và hỗ trợ hạ tầng dùng chung (bãi đỗ xe, đường dẫn, chiếu sáng...).

STT	Nội dung chi	Kinh phí (triệu đồng)	Căn cứ, mục tiêu sử dụng
1	Tập huấn kỹ thuật nuôi cá lồng bè, quản lý môi trường	150	Nâng cao năng lực HTX, người dân; bảo đảm an toàn sinh học
2	Đào tạo nghiệp vụ du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng	120	Hình thành sản phẩm du lịch gắn với nuôi trồng thủy sản
3	Xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, quảng bá, sản phẩm truyền thông số.	230	Tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu cá hồ Đồng Mít
4	Quan trắc môi trường nước, giám sát an toàn hồ chứa	200	Tuân thủ quy định pháp luật, bảo vệ công trình thủy lợi
5	Quản lý, kiểm tra, đánh giá, tổng kết Đề án	100	Phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở nhân rộng mô hình
6	Hỗ trợ hạ tầng dùng chung phục vụ du lịch sinh thái	1000	Bãi đỗ xe, đường dẫn, nhà vệ sinh, chiếu sáng
	Tổng cộng	1.800	

- Nguồn vốn xã hội hóa (Doanh nghiệp, HTX, người dân): 10.070 triệu đồng (chiếm 84,84%). Đầu tư trực tiếp vào hệ thống lồng nuôi, con giống, thức ăn và trang thiết bị hạ tầng phục vụ kinh doanh du lịch sinh thái.

3. Phân kỳ kinh phí theo năm

a) Tổng hợp phân kỳ

Năm	Nội dung	Tổng kinh phí (triệu đồng)
-----	----------	----------------------------

2026	Chuẩn bị, pháp lý, tập huấn, khởi động	2.500
2027	Đầu tư chính, vận hành mô hình	7.870
2028	Hoàn thiện, đánh giá, nhân rộng	1.500
	Tổng	11.870

b) Phân theo nguồn vốn

Năm	Ngân sách nhà nước (triệu đồng)	Nguồn vốn xã hội hóa (triệu đồng)
2026	1.000	1.500
2027	600	7.270
2028	200	1.300
Tổng	1.800	10.070

c) Gắn kinh phí với nhiệm vụ

Stt	Nhóm nhiệm vụ	Kinh phí (triệu đồng)	Giai đoạn
1	Đầu tư mô hình nuôi cá lồng bè	6.420	2026–2027
2	Đầu tư phục vụ du lịch sinh thái	4.650	2026–2027
3	Tập huấn, đào tạo, xúc tiến, truyền thông	500	2026–2027
4	Quản lý, giám sát, quan trắc môi trường	300	2026–2028
	Tổng cộng	11.870	

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì rà soát, khoanh định khu vực mặt nước hồ Đồng Mít; tham mưu phương án bố trí không gian thực hiện mô hình bảo đảm phù hợp quy hoạch, điều kiện tự nhiên và an toàn công trình hồ chứa.

- Hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật nuôi cá lồng bè; kiểm tra chất lượng con giống, vật tư đầu vào, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh thủy sản.

- Chủ trì xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi, quy trình quản lý môi trường nước; tổ chức quan trắc định kỳ và kịp thời cảnh báo rủi ro phát sinh.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

- Chủ trì hướng dẫn phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với mô hình nuôi cá lồng bè tại hồ Đồng Mít.

- Hỗ trợ kết nối các đoàn du lịch, tuyến du lịch; xây dựng hình ảnh, thương hiệu điểm đến; đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch địa phương.

- Tổ chức tập huấn kỹ năng phục vụ khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, nghiệp vụ du lịch cộng đồng cho người dân tham gia mô hình.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, thanh quyết toán, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Phối hợp kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

4. UBND xã An Vinh

- Phối hợp tổ chức triển khai Đề án trực tiếp trên địa bàn; tuyên truyền, vận động người dân tham gia mô hình liên kết; tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư.

- Có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu vực thực hiện đề án.

- Hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội tại khu vực triển khai.

- Phối hợp giám sát việc chấp hành quy định về môi trường, trật tự xây dựng, sử dụng mặt nước và các nội dung liên quan tại địa phương..

5. Doanh nghiệp, Hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân liên quan

- Chủ động bố trí nguồn lực đầu tư; triển khai sản xuất, kinh doanh đúng nội dung được phê duyệt và đúng quy định pháp luật.

- Thực hiện nghiêm các quy trình kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

- Phối hợp liên kết tiêu thụ sản phẩm, khai thác dịch vụ du lịch sinh thái; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định về bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn công trình hồ chứa.

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch triển khai hàng năm; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động tổ chức họp định kỳ: 03 tháng/lần; kiểm tra hiện trường 06 tháng/lần; báo cáo kết quả 06 tháng và hàng năm cho UBND tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền,

các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.